

ỦY BAN NHÂN DÂN  
PHƯỜNG THƯỢNG CÁT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ  
Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ cao sinh học Hà Nội.  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND phường Thượng Cát)

I. CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT VÀ TÀI SẢN TRÊN ĐẤT:

1. Chủ sử dụng đất: Ủy ban nhân dân phường Thượng Cát

- Địa chỉ thường: TDP Yên Nội, Phường Thượng Cát, Thành phố Hà Nội
- Địa chỉ nơi có đất GPMB: Phường Thượng Cát, Thành phố Hà Nội
- Tổng diện tích đất bị thu hồi: 676,0 m2
- + Diện tích đất giao theo NĐ 64/CP là: 0,0 m2
- + Diện tích đất không giao hộ gia đình sử dụng ổn định trước 01/7/2004: 676,0 m2

2. Chủ sở hữu tài sản trên đất: Hộ gia đình ông Phạm Gia Sâm (Sy)

- Địa chỉ: TDP Yên Nội, Phường Thượng Cát, Thành phố Hà Nội

II. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐỐI VỚI: HỘ GIA ĐÌNH ÔNG PHẠM GIA SÂM (SY)

| Số TT | NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ                                        | ĐƠN VỊ TÍNH | SỐ LƯỢNG | ĐƠN GIÁ (Đồng) | TỈ LỆ (%) | THÀNH TIỀN (đồng) | Trong đó            |                            | Ghi chú                                                                           |
|-------|--------------------------------------------------------------------|-------------|----------|----------------|-----------|-------------------|---------------------|----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|
|       |                                                                    |             |          |                |           |                   | Đã phê duyệt (đồng) | Điều chỉnh, bổ sung (đồng) |                                                                                   |
| (1)   | (2)                                                                | (3)         | (4)      | (5)            | (6)       | (7)               | (8)                 | (9) = ((7)-(8))            | (10)                                                                              |
| 1     | Bồi thường hỗ trợ về đất                                           |             |          |                |           | 136.281.600       | 136.281.600         | 0                          |                                                                                   |
|       | Đất NN không giao hộ gia đình sử dụng trước 1/7/2004               | m2          | 676,0    | 201.600        | 100%      | 136.281.600       | 136.281.600         | 0                          |                                                                                   |
| 2     | Bồi thường, hỗ trợ về tài sản                                      |             |          |                |           | 265.948.716       | 162.425.573         | 103.523.143                |                                                                                   |
| 2.1   | Cây cối hoa màu                                                    |             |          |                |           | 137.358.000       | 137.358.000         | 0                          |                                                                                   |
|       | Hoa Hoa hồng cao>1m                                                | cây         | 8.556    | 5.500          | 100%      | 47.058.000        | 47.058.000          | 0                          |                                                                                   |
|       | Cau vua: 0,15 m ≤ Φ gốc < 0,25 m                                   | cây         | 12       | 200.000        | 100%      | 2.400.000         | 2.400.000           | 0                          |                                                                                   |
|       | Cau vua: 0,25 m ≤ Φ gốc < 0,3 m                                    | cây         | 293      | 300.000        | 100%      | 87.900.000        | 87.900.000          | 0                          |                                                                                   |
| 2.2   | Bồi thường, hỗ trợ về công trình.                                  |             |          |                |           | 128.590.716       | 25.067.573          | 103.523.143                | Theo Quyết định số 3060/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận Bắc Từ Liêm |
| -     | Bê xây 110, trát trong: V=(2,5mx2mx1m )=5 (m3)                     |             |          |                |           |                   |                     |                            |                                                                                   |
|       | Khối lượng gạch xây:<br>(2,5+1,8)*2*1*0,11+(2,5*2)*0,07=1,3(m3)    | m3          | 1,30     | 1.315.288      | 100%      | 1.709.874         | 1.367.900           | 341.975                    |                                                                                   |
|       | Khối lượng trát:<br>(2,3+1,8)*1*2+2,3*1,8=12,34(m2)                | m2          | 12,34    | 47.291         | 100%      | 583.571           | 466.857             | 116.714                    |                                                                                   |
| -     | Bê xây 110, trát trong: V=(2,2mx2mx1,8m )=8(m3)                    |             |          |                |           |                   |                     |                            |                                                                                   |
|       | Khối lượng gạch xây:<br>(2,2+1,8)*2*1,8*0,11+(2,2*2)*0,07=1,89(m3) | m3          | 1,89     | 1.315.288      | 100%      | 2.485.894         | 1.988.715           | 497.179                    |                                                                                   |

B

| Số TT | NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ                                      | ĐƠN VỊ TÍNH | SỐ LƯỢNG | ĐƠN GIÁ (Đồng) | TỈ LỆ (%) | THÀNH TIỀN (đồng)  | Trong đó            |                            | Ghi chú                                                          |
|-------|------------------------------------------------------------------|-------------|----------|----------------|-----------|--------------------|---------------------|----------------------------|------------------------------------------------------------------|
|       |                                                                  |             |          |                |           |                    | Đã phê duyệt (đồng) | Điều chỉnh, bổ sung (đồng) |                                                                  |
| (1)   | (2)                                                              | (3)         | (4)      | (5)            | (6)       | (7)                | (8)                 | (9) = ((7)-(8))            | (10)                                                             |
|       | Khối lượng trát:<br>(2+1,8)*1,8*2+2*1,8)=17,28(m2)               | m2          | 17,28    | 47.291         | 100%      | 817.188            | 653.751             | 163.438                    |                                                                  |
| -     | Bê xây 110, trát trong: V=(3mx1,5mx1m )=4,5 (m3)                 |             |          |                |           |                    |                     |                            |                                                                  |
|       | Khối lượng gạch xây:<br>((3+1,3)*2*1*0,11+(3*1,5)*0,07)=1,26(m3) | m3          | 1,26     | 1.315.288      | 100%      | 1.657.263          | 1.325.810           | 331.453                    |                                                                  |
|       | Khối lượng trát:<br>(2,8+1,3)*1*2+2,8*1,3)=11,84(m2)             | m2          | 11,84    | 47.291         | 100%      | 559.925            | 447.940             | 111.985                    |                                                                  |
| -     | Giếng khoan sâu > 25m                                            | giếng       | 3        | 3.209.000      | 100%      | 9.627.000          | 7.701.600           | 1.925.400                  |                                                                  |
| -     | Nhà lưới ni lông, khung tre                                      | m2          | 354,0    | 10.000         | 100%      | 3.540.000          | 354.000             | 3.186.000                  |                                                                  |
| -     | Hàng rào lưới thép B40                                           | m2          | 422,0    | 255.000        | 100%      | 107.610.000        | 10.761.000          | 96.849.000                 |                                                                  |
| 3     | Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng                                 | m2          | 676,0    | 3.000          | 0%        | 0                  | 0                   | 0                          | Không hỗ trợ do hộ gia đình không bàn giao mặt bằng đúng tiến độ |
|       | <b>Tổng cộng (1+2+3):</b>                                        |             |          |                |           | <b>402.230.316</b> | <b>298.707.173</b>  | <b>103.523.143</b>         |                                                                  |

III. Tổng số tiền BT, HT và TĐC: (1)+(2)+(3) 402.230.316 đồng

IV. Tổng số tiền phải nộp ngân sách: 0 đồng

V. Tổng số tiền BTHT & TĐC sau cân đối: (III-IV) 402.230.316 đồng

(- Nếu (V)>0 thì được nhận số tiền sau cân đối;

- Nếu (V)<0 thì phải nộp bổ sung số tiền sau cân đối)

Trong đó: - Tổng số tiền đã phê duyệt: 298.707.173 đồng

- Số tiền điều chỉnh, bổ sung: 103.523.143 đồng

Bằng chữ: Bốn trăm linh hai triệu, hai trăm ba mươi nghìn, ba trăm mười sáu đồng./.

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Quang Tiến